



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa

Ngày 31/12/2025	17,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.8%	-5.7%	1.3%

DT thuần Q4/25
40.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.50 4.0%
YoY: ▼ 8.20 -16.9%

LN thuần Q4/25
120
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 85.2 245%
YoY: ▲ 20.3 20.5%

LN sau thuế Q4/25
98.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 69.0 238%
YoY: ▲ 27.8 39.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
181%
YoY: +/- ▲ 43.0%

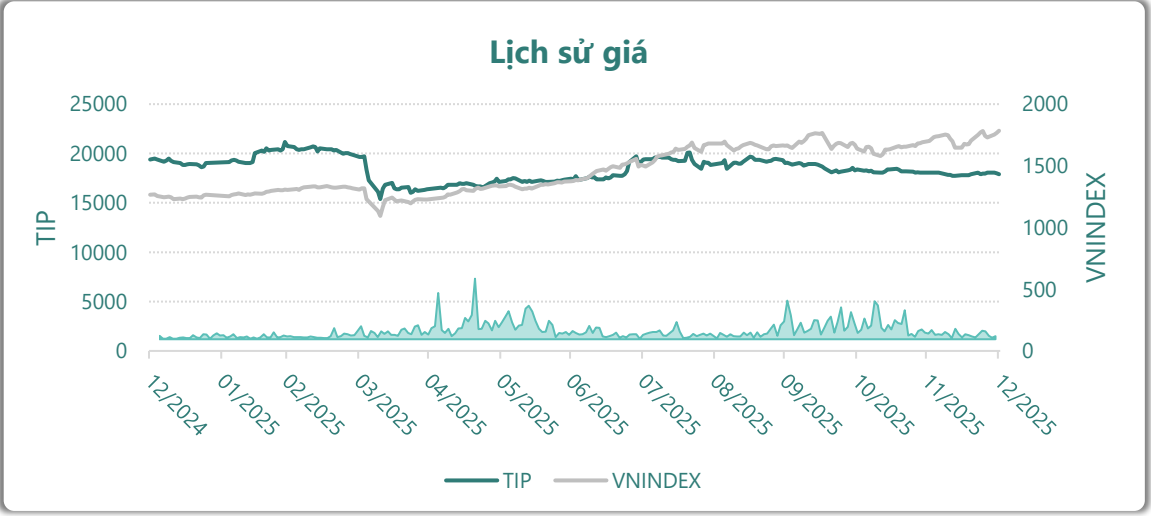
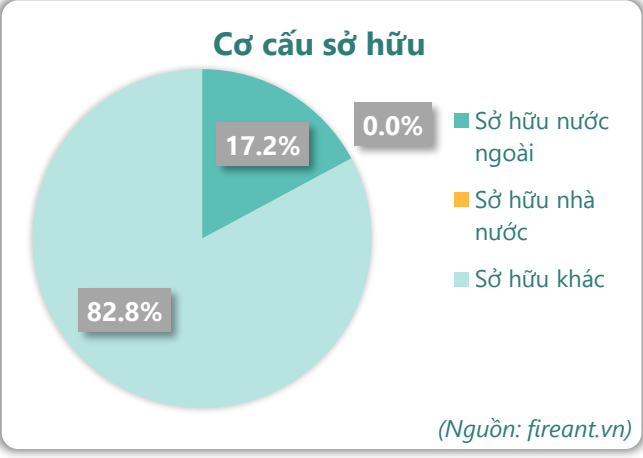
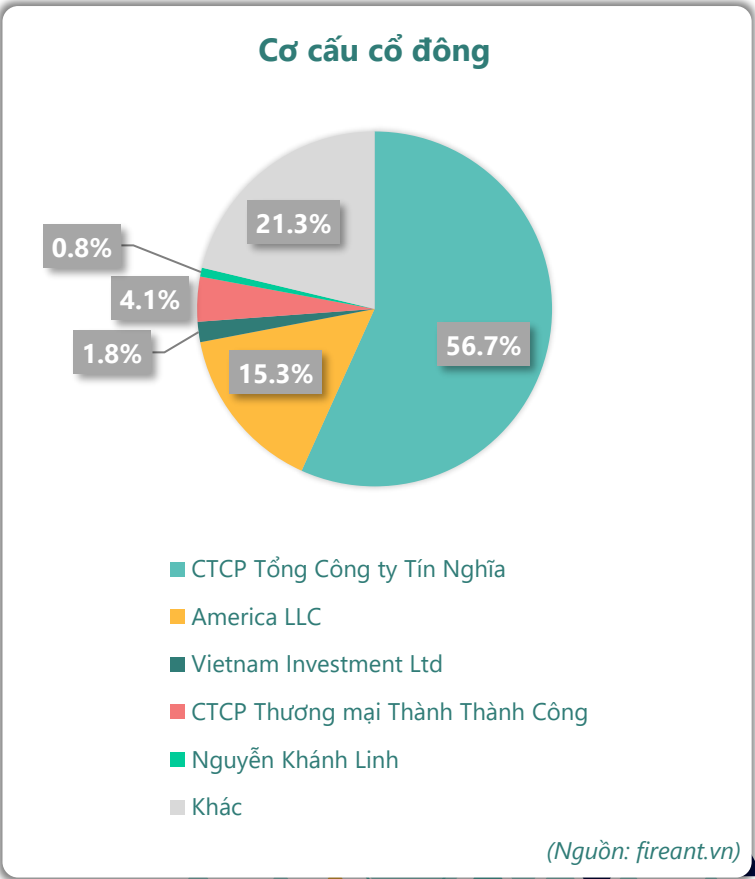
ROE 2025
11.6%
YoY: +/- ▲ 1.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,386 - 21,167
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,164
Số lượng CPLH (CP)	65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,930
Sở hữu nước ngoài	17.2%
Beta	0.39
EPS	3,322
P/E	5.4

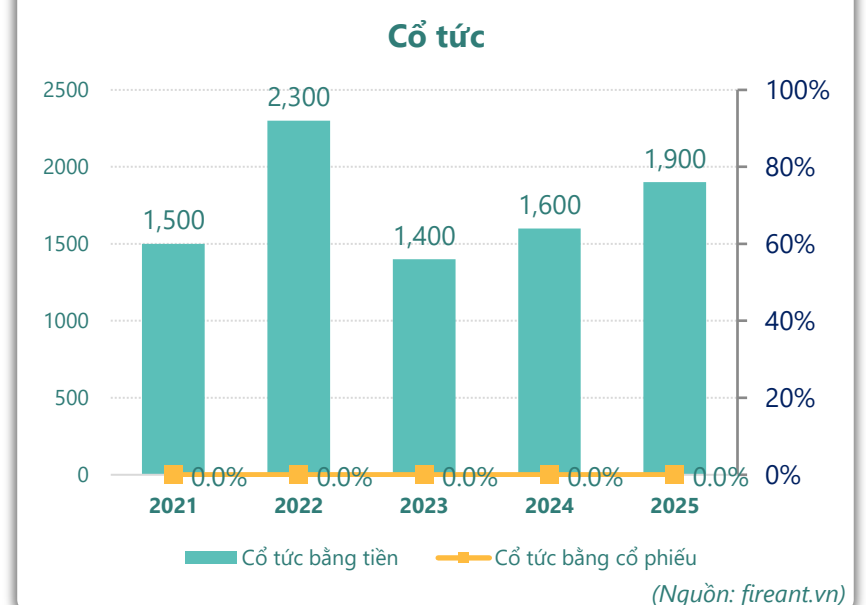
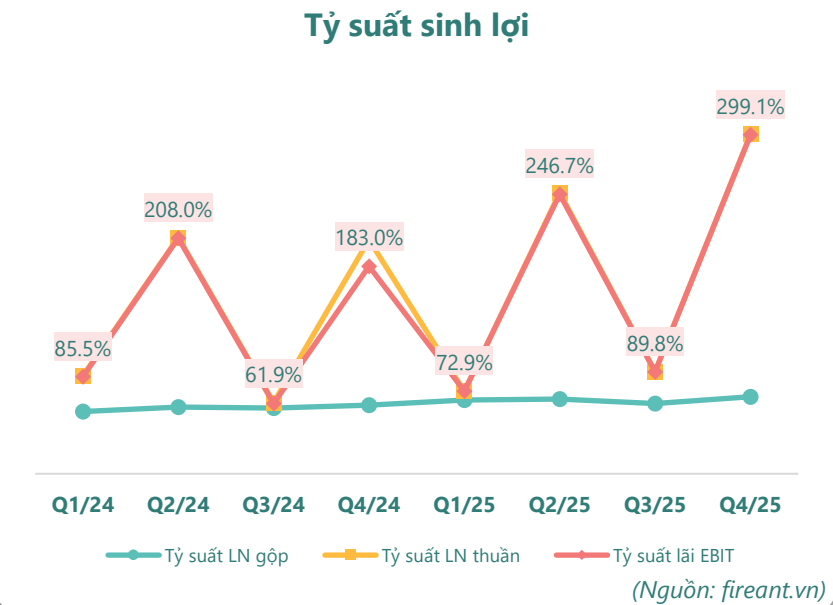
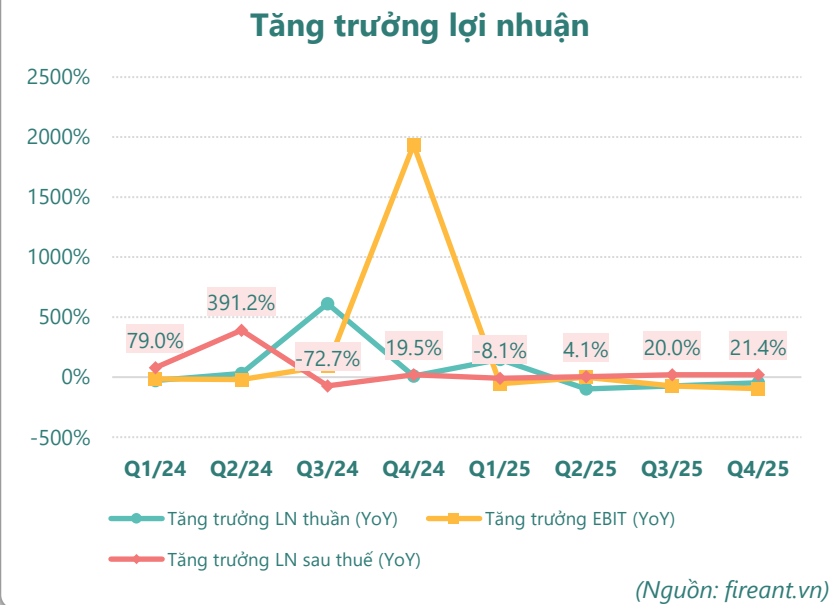
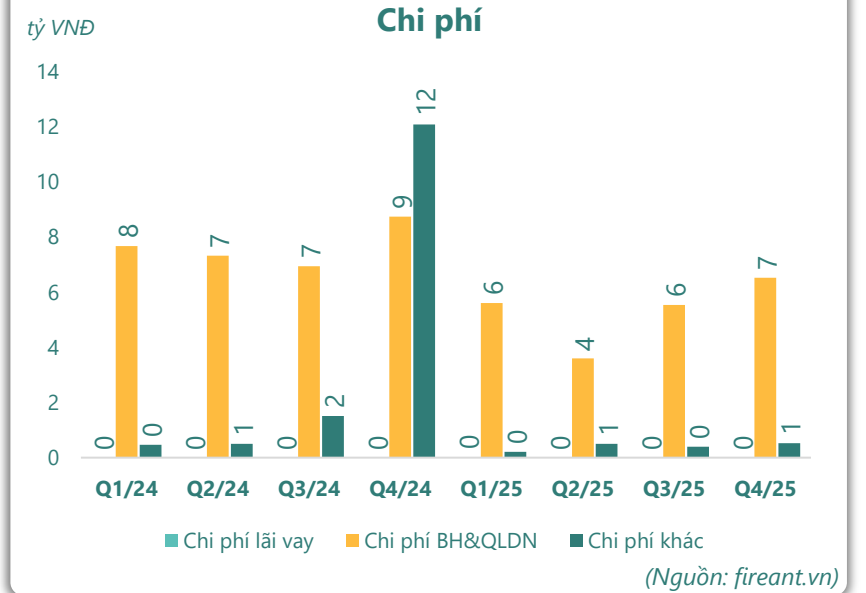
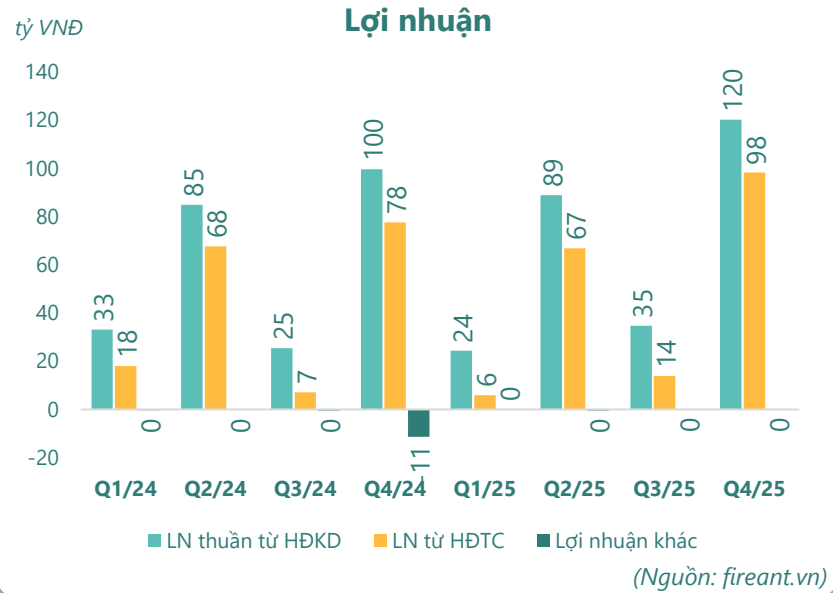
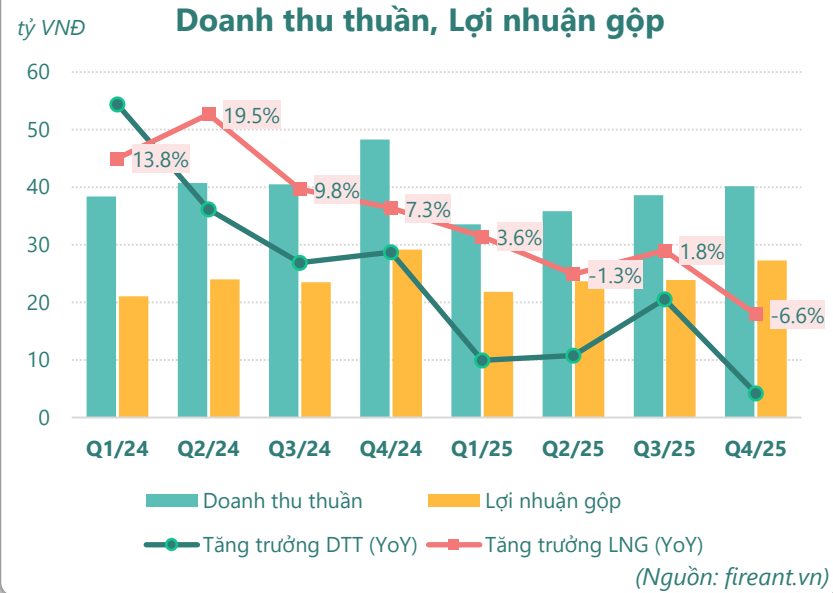
DT thuần 2025
148
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 20.0 -11.7%

LN thuần 2025
268
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.0 10.3%

LN sau thuế 2025
218
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0 16.9%



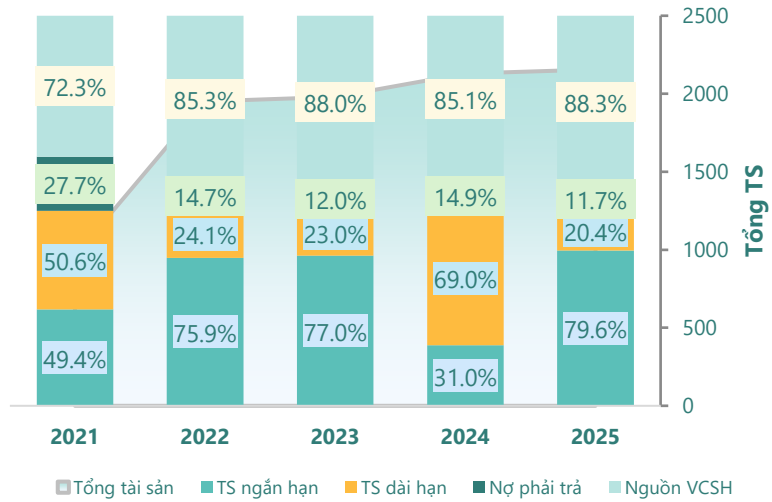
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

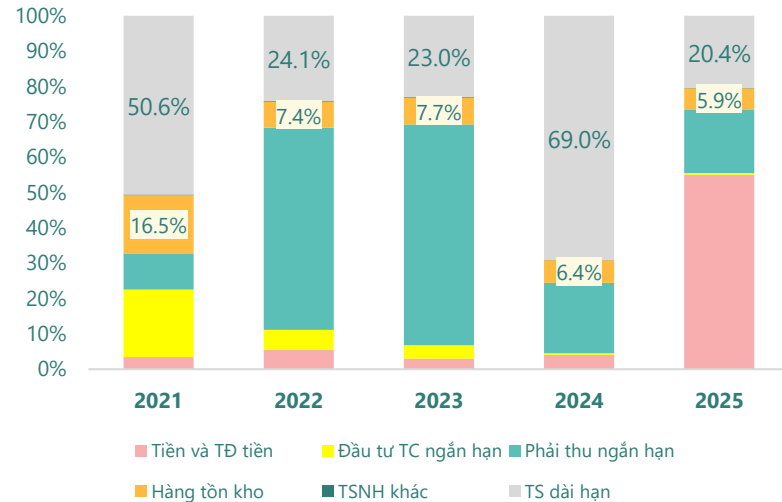
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

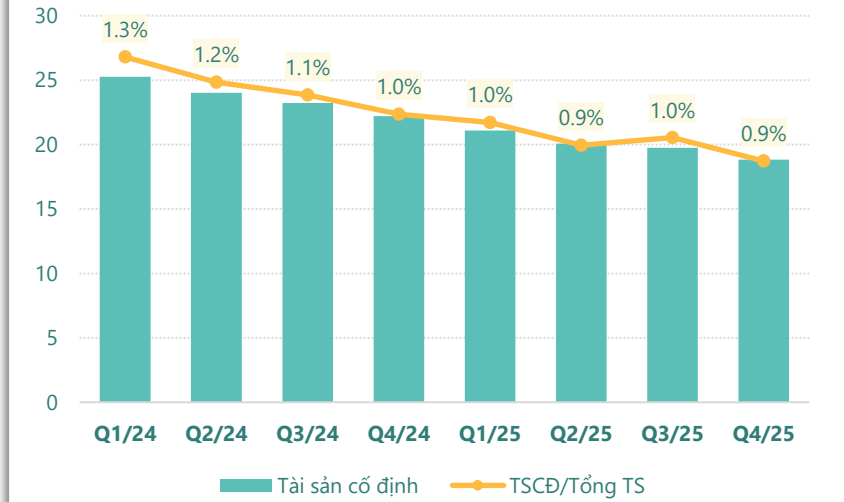
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

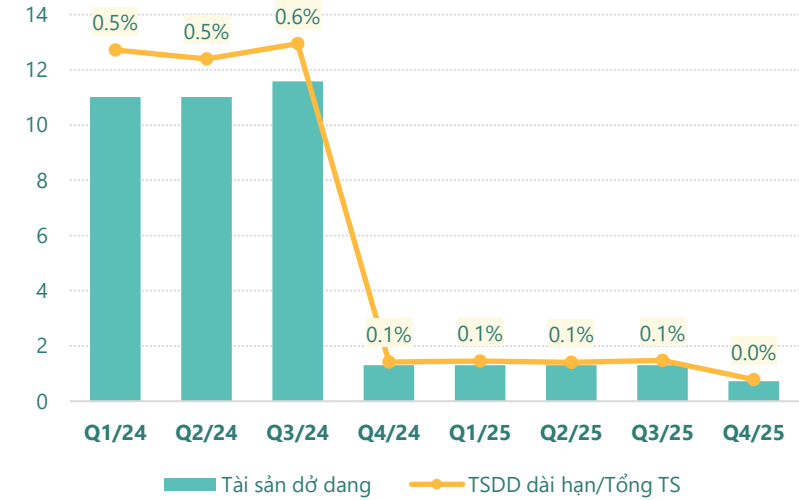
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

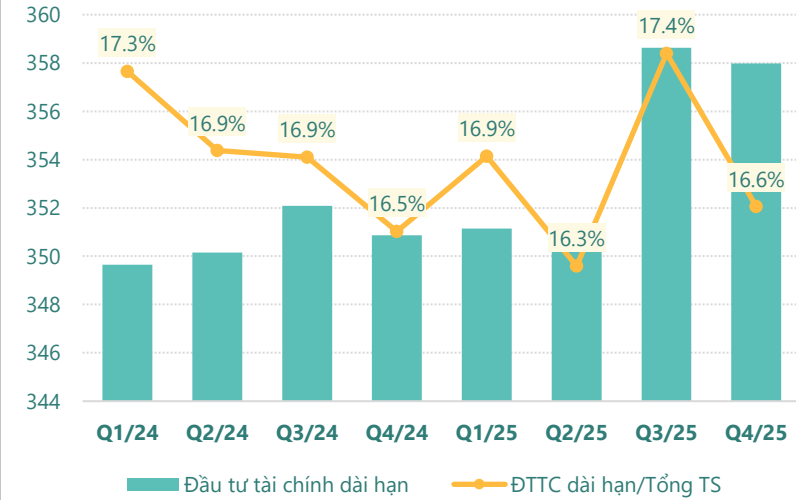
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

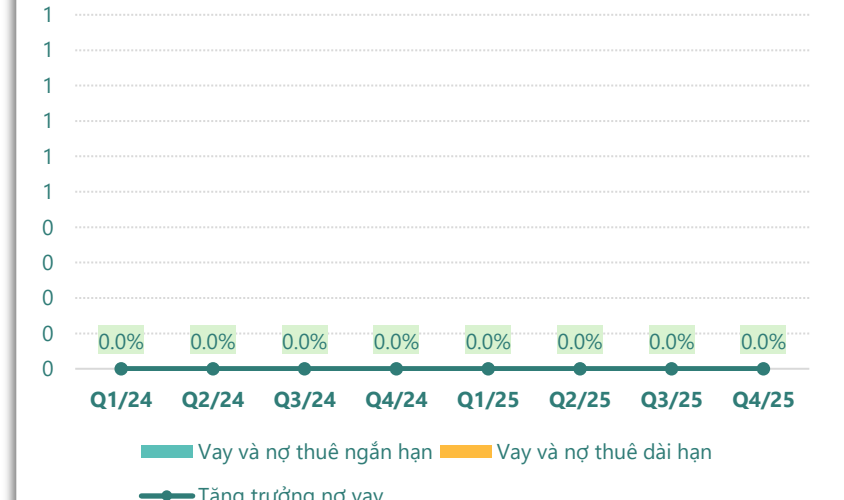
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

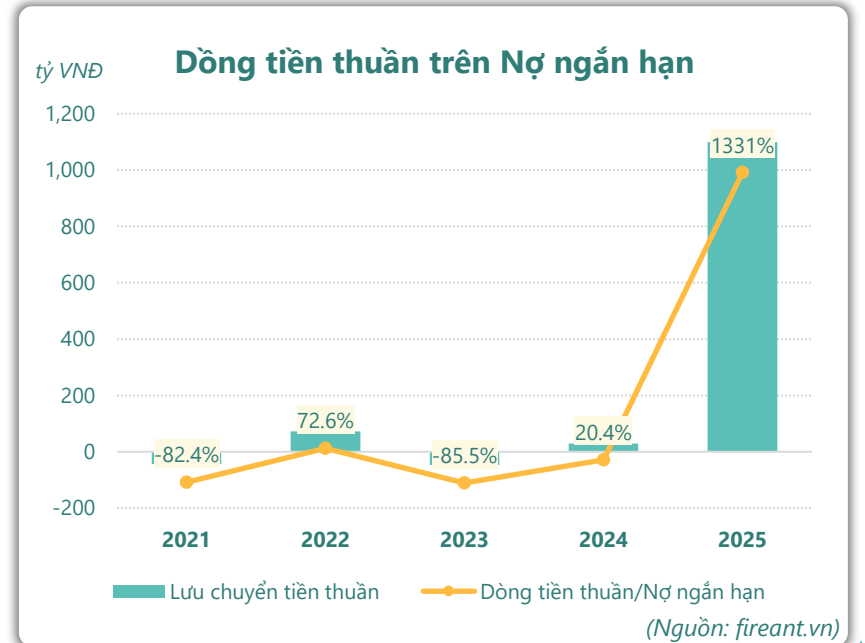
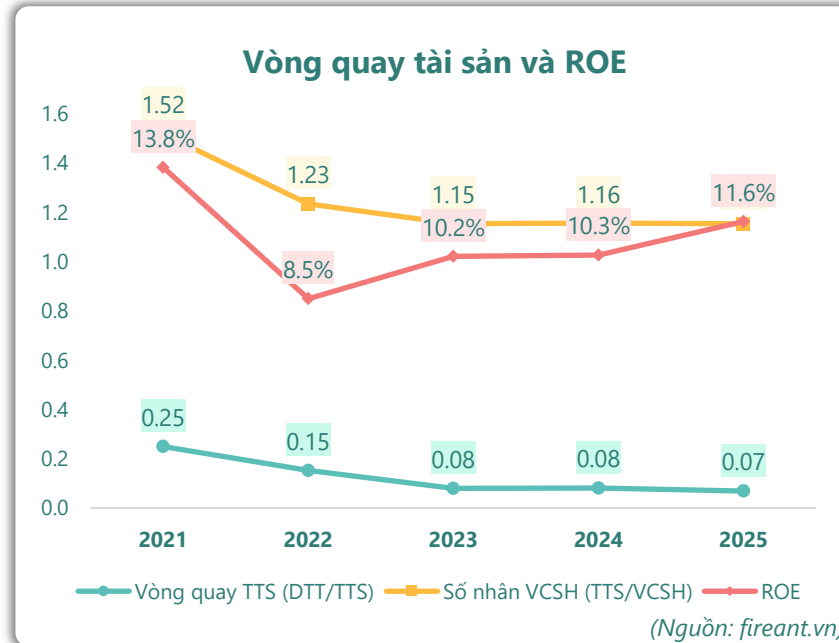
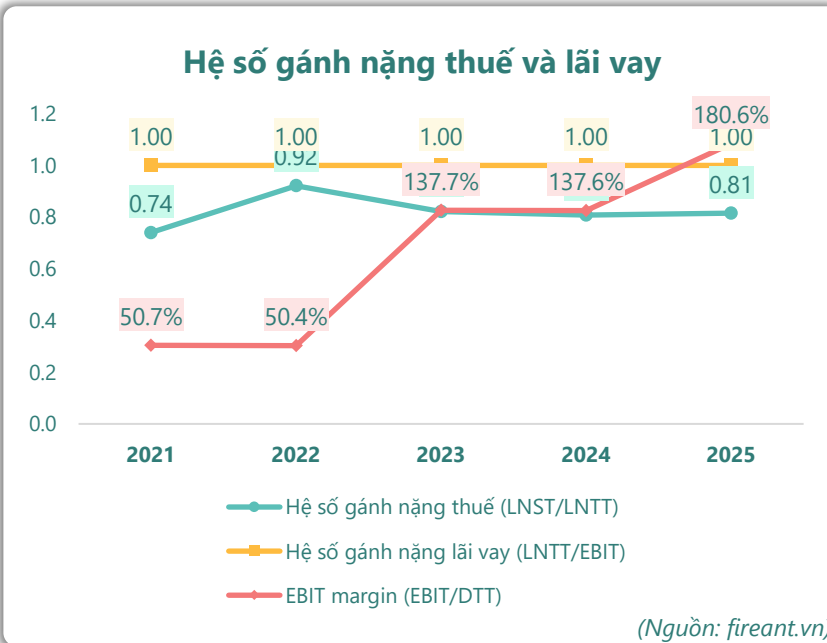
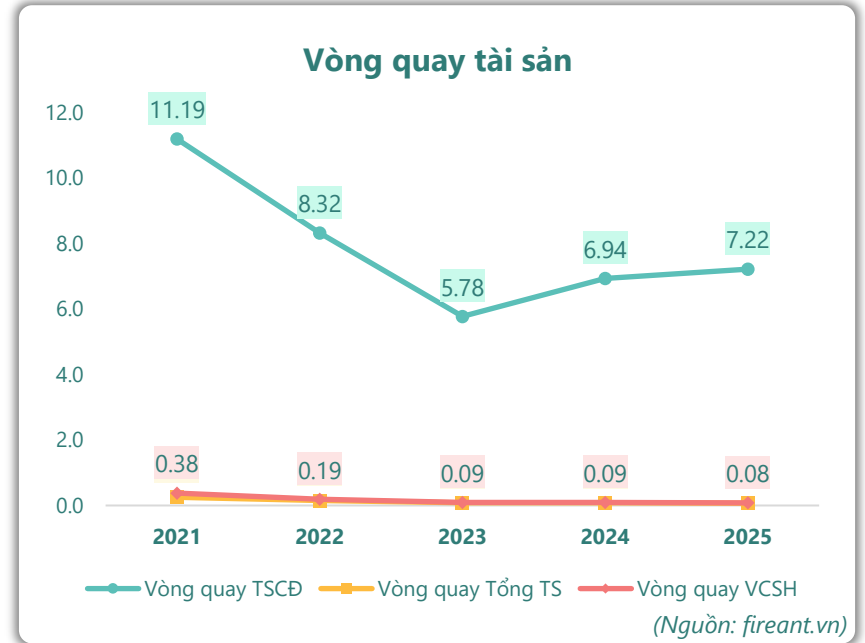
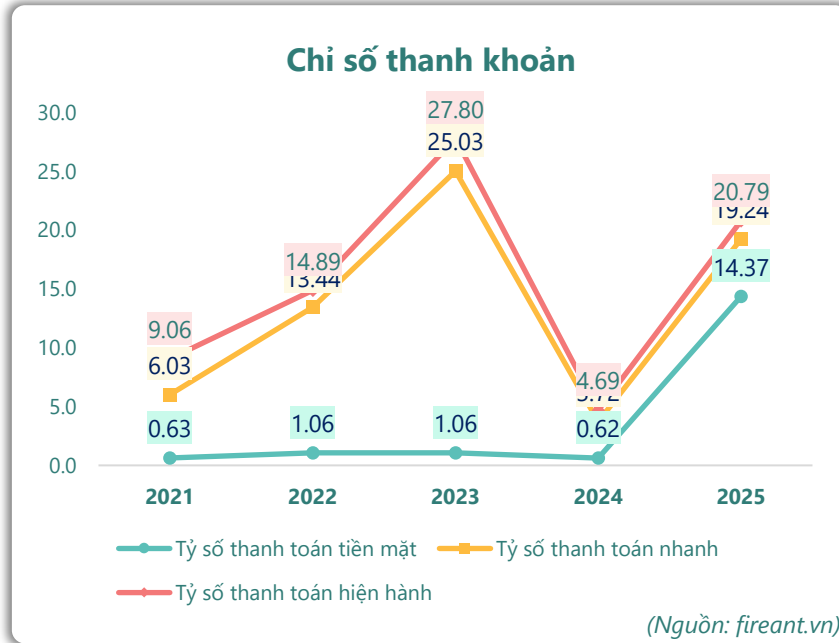
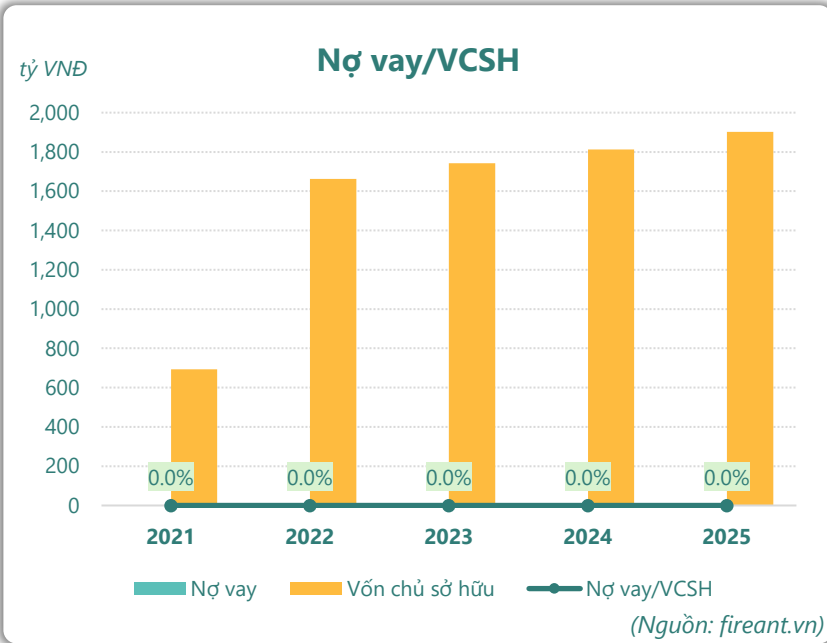
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	40.1	48.3	-16.9%	148	168	-11.7%
Giá vốn hàng bán	12.9	19.1	-32.7%	51.6	70.1	-26.5%
Lợi nhuận gộp	27.3	29.2	-6.6%	96.7	97.7	-1.1%
Doanh thu HĐTC	100	80.4	24.5%	186	160	16.3%
Chi phí TC	1.80	2.79	-35.4%	0.90	-10.6	108%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	1.15	1.57	-26.6%	7.96	5.80	37.2%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	6.53	8.75	-25.4%	21.3	30.7	-30.7%
LN thuần từ HĐKD	120	99.7	20.5%	268	243	10.3%
Lợi nhuận khác	-0.11	-11.3	99.0%	-0.61	-12.3	95.0%
LN trước thuế	120	88.3	36.0%	268	231	15.9%
Lợi nhuận sau thuế	98.0	70.2	39.7%	218	187	16.9%
LNST của CĐ cty mẹ	97.6	68.6	42.3%	216	182	18.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.6	42.5	34.0	11.2	-2.86	1,018
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.6	-25.4	4.32	11.5	61.8	151
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-87.0	0	-104	0
Tiền đầu kỳ	45.0	70.0	87.1	38.4	61.2	16.1
Lưu chuyển tiền thuần	25.0	17.1	-48.7	22.7	-45.0	1,170
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	70.0	87.1	38.4	61.2	16.1	1,186

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,156	2,129	1.2%
Tài sản ngắn hạn	1,716	660	160%
Tiền và tương đương tiền	1,186	87.1	1261%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.70	9.30	4.3%
Phải thu ngắn hạn	389	424	-8.1%
Hàng tồn kho	128	137	-6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.89	2.59	11.9%
Tài sản dài hạn	440	1,469	-70.1%
Phải thu dài hạn	0.05	1,033	-100.0%
Tài sản cố định	18.8	22.2	-15.2%
Bất động sản đầu tư	27.1	26.0	4.3%
Tài sản dở dang	0.72	1.30	-44.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	358	351	2.0%
Tài sản dài hạn khác	34.9	35.8	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	253	317	-20.1%
Nợ ngắn hạn	82.5	141	-41.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.67	3.40	7.8%
Nợ dài hạn	170	176	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,903	1,812	5.0%
Vốn chủ sở hữu	1,903	1,812	5.0%
Vốn điều lệ	650	650	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

